

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS – ST
Ngày: 11 – 04 – 2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội,
tranh chấp đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Mỹ Hường
- Ông Nguyễn Tấn Hậu.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội, đòi tài sản” thụ lý số 17/2025/TLST – DS ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2025/QĐST – DS ngày 24 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T (M), sinh năm 1982

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Châu Thành H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số F, đường T, khóm M, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt bà Nguyễn Thị Thu T; ông Nguyễn Thành N vắng mặt (có đơn đề nghị được vắng mặt; ông Châu Thành H vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thành N trình bày:*

Giữa ông, bà và ông Châu Thành H có mối quan hệ quan biết hơn 07 năm qua. Ông, bà làm chủ hội khoảng 15 năm qua. Đến khoảng thời điểm năm nào không nhớ rõ, ông H chủ động đề nghị được tham gia hội do ông bà làm chủ. Thời gian qua, ông H có tham gia nhiều dây hội và thực hiện nghĩa vụ đầy đủ.

Tuy nhiên, đến 02 dây hụi 5.000.000 đồng mở vào các ngày 03/10/2023 (âm lịch) và ngày 25/4/2024 (âm lịch) thì không nộp hụi chết đầy đủ, cụ thể:

- Hụi 5.000.000 đ/Nửa tháng, gồm 26 phần, mở ngày 03/10/2023 (AL), mãn ngày 18/10/2024 (AL): Ông H tham gia 02 phần, hốt phần thứ nhất vào ngày 03/10/2023 (AL) được số tiền là 91.100.000 đồng. Sau đó, ông bà có chuyển tiền hụi hốt cho ông H thông qua số tài khoản 070097487438 (tại S, chi nhánh A) vào ngày 16/11/2023 (dương lịch). Phần thứ 02, ông H hốt vào ngày 03/11/2023 (AL), hốt được 92.200.000 đồng. Sau đó, ông bà có chuyển tiền hụi hốt cho ông H thông qua số tài khoản 070097487438 (tại S, chi nhánh A) vào ngày 16/12/2023 (dương lịch).

Ông H nộp hụi chết đến ngày 03/6/2024 (AL) thì ngưng. Còn nợ lại 90.000.000 đồng hụi chết (nợ 09 lần).

- Hụi 5.000.000đ/Nửa tháng gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), mãn ngày 10/5/2025 (AL): Ông H tham gia 01 phần, hốt vào ngày 10/5/2024 (AL), được số tiền 84.900.000 đồng. Ông bà giao hụi cho ông H vào ngày 16/6/2024 (DL) thông qua số tài khoản trên. Hụi này hiện nay chưa mãn. Tính hết tháng 02/2025 (AL), ông H còn nợ hụi chết là 95.000.000 đồng.

Ngoài ra, do cần tiền để mua đất nên ông H có yêu cầu được hốt hụi 5.000.000 đồng, 26 phần. Ông bà đồng ý và giao cho ông H 02 lần tiền tương ứng với hụi 5.000.000 đồng, 26 phần. Cụ thể:

Ngày 29/4/2024 (DL), ông bà chuyển cho ông H 97.500.000 đồng thông qua số tài khoản trên.

Ngày 05/5/2024 (DL), ông bà chuyển cho ông H 87.500.000 đồng

Hai lần chuyển tiền hụi này thực tế không có mở hụi mà ông bà chấp nhận giao tiền cho ông H sau khi trừ tiền bỏ hụi là 1.000.000 đồng và trừ hoa hồng là 2.500.000 đồng nên còn lại là 97.5000.000 đồng; ngày 05/5/2024, ông bà chuyển 87.500.000 đồng là đã trừ 10.000.000 đồng hụi chết của lần chuyển hụi ngày 29/4/2024. Số tiền này, do không có người tham gia hụi, không có sổ hụi nên ông bà yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả là 185.000.000 đồng.

Thời gian qua, ông bà nhiều lần đến nhà của ông H là số 65 đường T để yêu cầu ông H nộp hụi chết. Ông H hứa hẹn bán nhà được sẽ trả nhưng không thực hiện cho tới nay. Do đó, ông bà khởi kiện, yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả số tiền hụi chết là 185.000.000 đồng và số tiền mượn là 185.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Đối với dây hụi 5.000.000đ/nửa tháng khai một lần mở vào ngày 25/4/2024 (AL), ông H hốt lần thứ 2 với số tiền hốt được là 98.500.000 đồng, sau khi trừ các hụi chết còn nợ nên vợ chồng bà giao hụi là 84.900.000 đồng. Tính đến ngày xét xử, dây hụi này ông H không nộp hụi chết 20 lần, tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Nay, bà yêu cầu ông H trả lại cho vợ chồng bà tiền hụi chết là 190.000.000 đồng và tiền thỏa thuận cho ông H hốt hụi để mua đất nhưng thực tế không mở hụi là 185.000.000 đồng vào các ngày 29/4/2024, 05/6/2024.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS, vắng mặt trong quá trình Tòa án chuẩn bị xét xử và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Về nội dung: Nhận thấy, nội dung của 02 sổ hui, bảng kê lịch sử giao dịch do nguyên đơn cung cấp và bảng kê lịch sử giao dịch do Tòa án thu thập phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Ông H đã hót hui nhưng không hoàn thành nghĩa vụ góp lại hui chết, phía nguyên đơn đã góp hui thay cho ông H nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự (BLDS) và điểm b khoản 1 Điều 17, khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả tiền hui còn nợ là 190.000.000 đồng trong đó: dây hui mở ngày 03/10/2023 (AL), mần ngày 18/10/2024 (AL) là 90.000.000 đồng và dây hui mở ngày 25/4/2024 (AL), mần ngày 10/5/2025 (AL) là 100.000.000 đồng tính đến thời điểm xét xử.

Đề nghị đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng của 04 kỳ dây hui 5.000.000 đồng (nửa tháng khui một lần mở vào ngày 25/4/2024 AL) đối với 04 kỳ hui chưa phát sinh, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các kỳ hui này. Bà T, ông N có quyền khởi kiện đối với 04 kỳ hui này trong trường hợp ông H tiếp tục vi phạm nghĩa vụ.

Đối với yêu cầu đòi tài sản: nguyên đơn yêu cầu ông H trả lại 185.000.000 đồng đã nhận. Căn cứ vào các bảng kê lịch sử giao dịch cho thấy, ngày 29/4/2024 bà T có chuyển vào tài khoản mang tên ông H nhận số là 97.500.000 đồng và ngày 05/6/2024 là 87.500.000 đồng. Đối với số tiền bà T, ông N yêu cầu đòi lại là 185.000.000 đồng đã chuyển khoản cho ông H, số không phải là tiền hót hui và thực tế không mở hui như nội dung chuyển khoản đã thể hiện. Do đó, việc ông H nhận số tiền 185.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 của BLDS, chấp nhận yêu cầu đòi lại số tiền 185.000.000 đồng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng góp hui và đòi lại tài sản là tiền được quy định tại khoản 2, 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú hợp pháp tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng cư trú của Công an phường M ngày 07/02/2025 là đủ cơ sở để xác định ông Châu Thành H có nơi cư trú hợp pháp tại địa chỉ số F, khóm M, phường M, thành phố L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 177, 179 của BLTTDS cho ông H tại địa chỉ này. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Ông Nguyễn Thành N là đồng nguyên đơn có đơn đề nghị được vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, về việc không yêu cầu ông H phải trả tiền cho các kỳ chưa phát sinh trong dây hụi 5.000.000 đồng (nửa tháng khui một lần mở vào ngày 25/4/2024 âm lịch). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của BLTTDS, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Về nội dung:

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là: bản chính Sổ Hụi loại hụi 5.000.000 đ/Nửa tháng gồm 26 phần, mở ngày 03/10/2023 (AL), mãn ngày 18/10/2024 (AL); bản chính Sổ Hụi loại hụi 5.000.000 đ/Nửa tháng gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), mãn ngày 10/5/2025 (AL); bản chính lịch sử giao dịch được đánh số 01, bản chính lịch sử giao dịch được đánh số 02.

[5] Nội dung các sổ hụi thể hiện, ông N, bà T (tên khác Mến) làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, gồm 26 phần, mở ngày 03/10/2023 (AL), mãn ngày 18/10/2024 (AL) ông H tham gia 02 phần, số thứ tự 11 – 12 trong sổ hụi với tên “Anh H.LX”; ông N, bà T (tên khác Mến) làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, nửa tháng khui một lần, gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), mãn ngày 10/5/2025 (AL), ông H tham gia 01 phần, số thứ tự 5 trong sổ hụi với tên “Anh H.LX”. Nội dung bảng kê lịch sử giao dịch thể hiện, số tài khoản 070097487438 tại S là tài khoản thụ hưởng, người thụ hưởng “Chau Thanh H2” có nhận tiền vào các ngày 16/11/2023 là 91.100.000 đồng, ngày 16/12/2023 nhận là 92.200.000 đồng, ngày 29/4/2024 nhận 97.500.000 đồng, ngày 05/5/2024 nhận 87.500.000 đồng và ngày 16/6/2024 nhận 84.900.000 đồng.

[6] Qua kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông H và kết quả tổng đạt cho thấy ông H vẫn còn cư trú tại địa phương, ông H nhận trực tiếp thông báo thụ lý vụ án và thông báo mở phiên họp công khai, chứng cứ và hòa giải. Như vậy, ông H biết được Tòa án đang thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông không nộp cho Tòa án văn bản trình ý kiến của mình, không đến tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Như vậy, ông H đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các Điều 70, Điều 72, 73 của BLTTDS và phải chịu hậu quả pháp lý cho hành vi này. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[7] Theo nội dung văn bản số 90/2025/CVPĐ-CNAG của Ngân hàng TMCP S1, chi nhánh A thể hiện, ông Châu Thành H có mở tại khoản số

070097487438 tại S- PGD L. Đính kèm văn bản này là bảng kê lịch sử giao dịch của số khoản 070097487438, cụ thể:

- Ngày 16/11/2023, phát sinh có 91.100.000 đồng, nội dung “giao hội 03.10a1”, tên khách hàng đối ứng “Nguyen Thi Thu Thuy”;
- Ngày 16/12/2023, phát sinh có 91.100.000 đồng, nội dung “giao hội 03 11”, tên khách hàng đối ứng “Nguyen Thi Thu Thuy”;
- Ngày 29/4/2024, phát sinh có 97.500.000 đồng, nội dung “giao hội 21 3”, tên khách hàng đối ứng “Nguyen Thi Thu Thuy”;
- Ngày 05/6/2024, phát sinh có 87.500.000 đồng, nội dung “giao hội 25 3 2024”, tên khách hàng đối ứng “Nguyen Thi Thu Thuy”;
- Ngày 17/6/2024, phát sinh có 84.900.000 đồng, nội dung “giao hội 10 5”, tên khách hàng đối ứng “Nguyen Thi Thu Thuy”.

[8] Như vậy, nội dung trên phù hợp với lời khai của bà T, ông N về việc ông bà đã giao tiền hội cho ông H vào các ngày 16/11/2023, ngày 16/12/2023 và ngày 16/6/2024 (phát sinh có vào tài khoản ông H là ngày 17/6/2024). Do đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa các bên có xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng góp hội được quy định tại Điều 471 của BLDS nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của chủ hội và thành viên tham gia hội.

[9] Xét thấy, ông H đã lĩnh hội (hốt hội) nhưng không tiếp tục góp hội để các thành viên khác được hốt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Phía ông N, bà T đã góp thay cho ông H các phần hội ông H không góp. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 17 và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền hội mà chủ hội là ông N, bà T đã góp thay thời gian qua là 190.000.000 đồng. Cụ thể,

- Đối với dây hội 5.000.000 đồng, nửa tháng khai một lần, gồm 26 phần, mở ngày 03/10/2023 (AL), kết thúc ngày 18/10/2024 (AL): Ông H nộp hội chết đến ngày 03/6/2024 (AL) thì ngưng nên còn nợ lại 09 lần, với số tiền là 90.000.000 đồng.

- Đối với dây hội 5.000.000 đồng nửa tháng khai một lần, gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), kết thúc ngày 10/5/2025 (AL): Tính đến ngày 10/3/2025 (AL), là ngày xét xử, ông H còn nợ hội chết là 20 lần, tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Do đến thời điểm xét xử, dây hội mở ngày 25/4/2024 (AL) chưa kết thúc (còn lại 04 kỳ chưa phát sinh là 20.000.000 đồng), nguyên đơn rút yêu cầu đối với các kỳ hội này. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này và dành cho nguyên đơn quyền khởi kiện bằng vụ án khác trong trường hợp ông H tiếp tục vi phạm nghĩa vụ.

[10] Đối với yêu cầu đòi tài sản: Phía các nguyên đơn yêu cầu đòi lại số tiền là 185.000.000 đồng đã chuyển khoản cho ông H vào các ngày 29/4/2024 (là 97.500.000 đồng) và ngày 05/6/2024 (là 87.500.000 đồng). Xét thấy, nội dung bảng kê lịch sử giao dịch do S cung cấp, thể hiện tài khoản của ông H nhận tiền từ

bà T là giao hội ngày 21 tháng 3 và 25 tháng 3. Các nguyên đơn cho rằng, do ông H cần tiền để mua đất và đề nghị được hốt hội với mức lãi và hoa hồng thỏa thuận bằng miệng nên nguyên đơn đồng ý giao tiền theo yêu cầu của ông H, thực tế không có mở hội vào các ngày 21 tháng 3 và ngày 25 tháng 3 (âm lịch). Như vậy, đủ căn cứ để xác định, đây hội ghi ngày 21 tháng 3 (âm lịch) và ngày 25 tháng 3 (âm lịch) là không có thật. Do đó, việc ông H nhận tiền của nguyên đơn vào các ngày 29/4/2024, 06/5/2024 (dương lịch) là không có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 của BLDS, buộc ông H có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.625.000 (chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002068 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bị đơn phải chịu án phí là 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 166, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm c khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường;

- Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh N1 về việc yêu cầu ông Châu Thành H trả 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) của 04 kỳ hội chưa phát sinh trong đây hội 5.000.000đ/Nửa tháng, gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), kết thúc ngày 10/5/2025 (AL).

[2] Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thành N.

[2.1] Buộc ông Châu Thành H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thành N tiền hội là 190.000.000 (một trăm chín mươi triệu) đồng. Số tiền này xuất phát từ:

- Dây hụi 5.000.000 đ/Nửa tháng, gồm 26 phần, mở ngày 03/10/2023 (AL), kết thúc ngày 18/10/2024 (AL): Ông H còn nợ số tiền là 90.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000đ/Nửa tháng, gồm 26 phần, mở ngày 25/4/2024 (AL), kết thúc ngày 10/5/2025 (AL): Ông H còn nợ số tiền là 100.000.000 đồng.

[2.2] Ông Châu Thành H có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thành N số tiền là 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Thành N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.625.000 (chín triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002068 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Châu Thành H phải chịu án phí là 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.LX
- Chi cục THADS TP. LX;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh